

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2018
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2017/TLST-DS ngày 08/11/2017 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 06/3/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02A/2018/QĐST-DS ngày 03/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng A.

Địa chỉ: Đường D, quận T, TP Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Hồng L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. (Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Địa chỉ: Đường C, phường L, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người được ủy quyền lại: Ông Cao Chí T – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk - Ngân hàng A (Theo giấy ủy quyền số 470/NHNo-PC ngày 06/12/2017). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1955. Có mặt.

Trú tại: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Bá T; sinh năm 1991; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện; tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Chí T trình bày:

Ngày 21/3/2014 bà Huỳnh Thị Q ký hợp đồng tín dụng số 5204LAV2014***** với Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A để vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất vay 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ vào ngày 21/3/2015, khoản vay đã được gia hạn nợ đến ngày 21/3/2016. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay.

Khi vay có thể chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số XX *****, thửa đất số ***, tờ bản đồ số **, diện tích 165m², địa chỉ thửa đất: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/5/2011 mang tên ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q.

Quá trình vay nợ bà Huỳnh Thị Q chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào. Hiện nay bà Huỳnh Thị Q còn nợ Ngân hàng A (Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) số tiền 100.000.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/4/2018 là 62.566.667đ.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Q phải trả cho Ngân hàng số tiền 162.566.667đ; trong đó tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 23/4/2018 là 62.566.667đ và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất trong hợp đồng phát sinh kể từ ngày 24/4/2018 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà Q không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Q trình bày:
Vào ngày 21/3/2014 bà Q ký hợp đồng tín dụng số 5200LAV2014***** với Phòng giao dịch M, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Ngân hàng A để vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 12%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường, hạn trả nợ vào ngày 21/3/2015, khoản vay đã được gia hạn nợ đến ngày 21/3/2016.

Khi vay có thể chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số XX *****, thửa đất số ***, tờ bản đồ số **, diện tích 165m², địa chỉ thửa đất: thôn T1, xã E, huyện

K, tỉnh Đắk Lắk; được UBND huyện K cấp ngày 19/5/2011 mang tên ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q.

Quá trình vay nợ do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà Q chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào. Hiện nay bà Q vẫn còn nợ Ngân hàng 100.000.000đ tiền gốc và 62.566.667đ tiền lãi tính đến ngày 23/4/2018.

Nay Ngân hàng A (Phòng giao dịch M, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Ngân hàng A) yêu cầu bà trả Ngân hàng số tiền 100.000.000đ gốc và 62.566.667đ lãi tính đến ngày 23/4/2018 và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất trong hợp đồng phát sinh kể từ ngày 24/4/2018 cho đến khi trả xong nợ. Nguyên vọng của bà Q đồng ý trả Ngân hàng số tiền như trên. Về thời hạn trả bà Q xin trả dần trong 9 đến 10 năm, mỗi năm trả khoảng 20.000.000đ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà Q không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu K trình bày:*

Chị K không có quan hệ vay nợ gì với Phòng giao dịch M, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Ngân hàng A; chị K được biết mẹ chị là bà Huỳnh Thị Q có vay vốn tại Phòng giao dịch M, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Ngân hàng A nhưng không biết cụ thể thời gian vay, số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay như thế nào. Chị K không tham gia, không có liên quan gì đến khoản vay nợ này.

Nay Ngân hàng A (Phòng giao dịch M, chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Ngân hàng A) khởi kiện yêu cầu bà Q trả tiền vay cho Ngân hàng, nguyên vọng của chị là bà Huỳnh Thị Q có vay của Ngân hàng thì phải có trách nhiệm trả nợ, chị không có liên quan gì đến khoản vay này nên không có trách nhiệm trả nợ. Trường hợp bà Q không trả được nợ cho Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá T* đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đã anh T không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử theo đúng quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 96; 97; 100; 195; 196; 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70; 71; 72; 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Huỳnh Thị Q phải trả cho Ngân hàng A số tiền 100.000.000đ gốc và tiền lãi theo quy định.

Trong trường hợp bà Q không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 100.000.000đ gốc và tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến nay, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; bị đơn bà Q cư trú tại thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá T không hợp tác làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá T, chị Nguyễn Thị Thu K vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về các yêu cầu của đương sự:*

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định:

Ngày 21/3/2014 bà Huỳnh Thị Q ký hợp đồng tín dụng số 5204LAV2014***** với Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất vay 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ vào ngày 21/3/2015, khoản vay đã được gia hạn nợ đến ngày 21/3/2016. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay.

Quá trình vay nợ bà Huỳnh Thị Q chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào. Hiện nay bà Q còn nợ Ngân hàng A (Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) số tiền 100.000.000đ gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/4/2018 là 62.566.667đ.

Như vậy đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ, bà Q không thanh toán được nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nguyên vọng của bị đơn đồng ý trả Ngân hàng số tiền như trên. Về thời hạn trả bà Q xin trả dần trong 9 đến 10 năm, mỗi năm trả khoảng 20.000.000đ cho đến khi trả xong nợ là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Q phải trả cho Ngân hàng số tiền 162.566.667đ; trong đó tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 23/4/2018 là 62.566.667đ và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất trong hợp đồng phát sinh kể từ ngày 24/4/2018 cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự.

Sau khi bà Huỳnh Thị Q trả nợ xong thì Ngân hàng A (Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) có trách nhiệm trả lại cho bà Huỳnh Thị Q 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số XX *****, do UBND huyện K cấp ngày 19/5/2011 mang tên ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Bảo đảm cho hợp đồng tín dụng bà Huỳnh Thị Q đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số XX *****, thửa đất số ***, tờ bản đồ số **, diện tích 165m², địa chỉ thửa đất: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/5/2011 mang tên ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q. Xét hợp đồng thế chấp số *** ngày 15/3/2012 được ký kết giữa Ngân hàng A (Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) với ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc đăng ký thế chấp của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng thế chấp hợp pháp. Trong trường hợp bà Q không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng A thì xử lý tài sản thế chấp của bà Q theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.128.000đ. Do bà Huỳnh Thị Q có hoàn cảnh

kinh tế gia đình khó khăn, có đơn xin miễn giảm tiền án phí được chính quyền địa phương xác nhận, nên giảm cho đương sự 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị Q còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.064.000đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Huỳnh Thị Q phải trả cho Ngân hàng A (trả tại Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) số tiền 162.566.667đ (*một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 23/4/2018 là 62.566.667đ.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bà Huỳnh Thị Q trả nợ xong thì Ngân hàng A (Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) có trách nhiệm trả lại cho bà Q 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số XX *****, do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/5/2011 mang tên ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q.

Trong trường hợp bà Q không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số *** ngày 15/3/2012 gồm Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số XX *****, thửa đất số ***, tờ bản đồ số **, diện tích 165m², địa chỉ thửa đất: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/5/2011 mang tên ông Nguyễn Bá R, bà Huỳnh Thị Q.

2. Về án phí:

- Buộc bà Huỳnh Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.064.000đ (*Bốn triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng A (trả cho Phòng giao dịch M – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, Ngân hàng A) số tiền tạm ứng án phí 3.795.000đ (*Ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0004135 ngày 08/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đại Minh